

Ngày cuối năm ở ĐẾ ĐỨC



Trần Châu Giang 22

Lục tìm chút thực phẩm trong tủ đá dự định cho bữa ăn chiều, từ trong góc kẹt là đôn bánh tét, đôn bánh tét này như vậy đã bị quên lãng gần cả năm nay. Năm ngoái, gần cuối năm đi chợ mua đôn bánh tét này về cho có không khí Tết, nhưng chẳng ai đụng tới, nên phải bỏ vào tủ đá từ đó đến nay. Nhìn đôn bánh tét, đang suy nghĩ vẫn vợ từ những mùa Xuân xa xứ đến những ngày Tết nơi quê nhà,... Và trong thoáng chốc, một quãng đời tuổi trẻ đã rất xa, tưởng đã nhạt nhòa theo năm tháng, bỗng như một cuộn phim quay chậm từ từ hiển hiện như mới hôm qua...

Gần cuối năm 1968, đơn vị chúng tôi đang hành quân trên vùng cao nguyên, được lệnh hoán đổi địa bàn hành quân với đơn vị bạn, lúc ấy đang dưới vùng duyên hải. Di chuyển ròng rã hai ngày, qua đường 19 vượt đèo Mang Yang, đèo An Khê, nghỉ tạm ở Phú Tài một đêm, ra quốc lộ 1 hướng về phía bắc qua đèo Nhông, đèo Phù Cũ, vượt sông Lại Giang và điểm đóng quân được chỉ định : Tam Quan, thuộc quận Hoài Nhơn, phía bắc của tỉnh Bình Định.

Vùng cao nguyên với núi rừng trùng điệp, đã góp một phần che dấu đi ít nhiều dấu vết tàn bạo của cuộc chiến tranh, nhưng vùng duyên hải thì khác, dấu vết khốc liệt của cuộc chiến hiển hiện theo từng đoạn đường, ...những thân dừa trơ

trội cháy đen vuon lên giữa một vùng đất hoang vắng, những mái tranh cất tạm dọc theo quốc lộ, những người dân đen đũi lấm lũi trên đường. Gần tới Tam Quan là hình ảnh ồn ào náo nhiệt tạm bợ với những quán snack bar cất tạm, những cô gái áo xanh áo đỏ, phục vụ cho lính , nhưng đối tượng chính là những binh sĩ Hoa Kỳ còn lại ở đây.

Tam Quan với rừng dừa bạt ngàn, nằm về phía nam đèo Bình Đê khoảng 5 hoặc 6 cây số, cũng là ranh giới thiên nhiên giữa hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi. Nơi đây, trước chiến tranh là vùng trù phú, dân chúng có đời sống sung túc với những ngành nghề dựa vào cây dừa, đặc biệt con gái Tam Quan nổi tiếng vừa đẹp, vừa giỏi giang.

Về phía nam Tam Quan, khoảng chưa tới một cây số là ngã ba Bình Minh, đây là khởi đầu một con đường mòn, con đường này men theo chân núi đi về phía bắc, qua những xóm làng thưa thớt, tới làng An Đỗ là điểm cuối của vùng bán sơn địa, sau đó con đường này đi vào vùng núi non trùng điệp. Có người cho rằng đây có thể là một trong những con đường mà



xưa kia vua Quang Trung đã dùng để tiến quân thần tốc ra bắc. Nhưng nay có thể Cộng Sản đã dùng con đường này để xâm nhập vào vùng Tam Quan. Chính vì vậy mà nơi đây vào các

năm 1965 và 1966 đã là chiến trường vô cùng khốc liệt. Và khi quân đội Hoa Kỳ chính thức tham chiến, một trong những đơn vị ưu tú của họ đã có mặt nơi đây. Đây là vùng hoạt động của lữ đoàn 173 với biểu tượng huy hiệu đầu con ngựa đen trên nền vàng.

Khi đơn vị chúng tôi tới vùng này thì căn cứ Tam Quan được chia thành những khu vực phòng thủ như sau, lấy quốc lộ 1 làm trung tâm, nửa phía tây là nơi làm việc của hành chánh quận, một đơn vị bộ binh, và nửa chi đoàn thiết giáp giúp phòng thủ. Nửa phía đông lại chia làm hai, nửa phía bắc là nơi trấn đóng của một pháo đội 155 pháo binh của Hoa Kỳ, phía nam là thuộc quyền một tiểu đoàn bộ binh của trung đoàn 40, và một nửa chi đoàn thiết giáp.

Về đây một thời gian ngắn, để lấp vào khoảng trống do sự triệt thoái của quân đội Hoa Kỳ, các đơn vị thiết giáp đã thay đổi cấu trúc gần như toàn bộ. Lúc trước chi đoàn M113 được gọi là chi đoàn thiết quân vận, mỗi chi đoàn có 4 chi đội, mỗi chi đội có 3 xe, cộng với 2 xe chỉ huy như vậy khi tham chiến đầy đủ, lực lượng tham chiến chỉ có tối đa 14 xe. Nay chi đoàn đổi thành chi đoàn thiết kỵ, quân số và trang bị gần như tăng gấp đôi, mỗi chi đội bây giờ có 5 xe, như vậy khi hành quân



đầy đủ lực lượng tham chiến gồm 22 xe, hệ thống truyền tin

thay mới với các máy 46 hoặc 47, nhưng đặc biệt là chi đội yểm trợ, khi trước chỉ được trang bị mấy khẩu 57 li không giật, nay trang bị hai khẩu 106 li không giật với đạn xuyên phá và đạn chài, ba súng cối 81 li thiết trí cố định trên xe, có thể xoay hướng 360 độ, và có khả năng vừa di chuyển vừa tác xạ.

Từ khi chi đoàn thiết quân vận trở thành chi đoàn thiết kỵ, tôi chỉ là một chi đội trưởng, một số công việc vốn thuộc trách nhiệm của chi đoàn phó, ông chi đoàn trưởng lôi tôi vào để giao thêm công việc, một lần ông giao cho tôi 8000 đồng nói là tiền sinh hoạt của chi đoàn. Tôi ra trường, dù đã một năm cũng chỉ có một sac marine mấy bộ quần áo, chẳng biết cất vào đâu, phải mang gửi hạ sĩ quan thường vụ.

Ở Sài Gòn, không khí tết hình như đã bắt đầu ngay sau lễ giáng sinh, và càng gần tết thì càng náo nhiệt bất chấp cuộc chiến đang diễn ra ác liệt thế nào. Nơi đây, miền cực bắc của tỉnh Bình Định thì khác, những người lính thường trực đối diện với những hiểm nguy, nên tết về chỉ như một ước lệ, những người sống dựa vào nhu cầu người lính, gần tết tìm về với gia đình, vẫn có những quán hàng bày lèo tèo hàng tết, nhưng dân chúng nơi đây mới trải qua một Mậu Thân bất ổn hồi năm ngoái nên thậm trọng chỉ chuẩn bị tết cho gia đình đằng sau những cánh cửa mở hé.

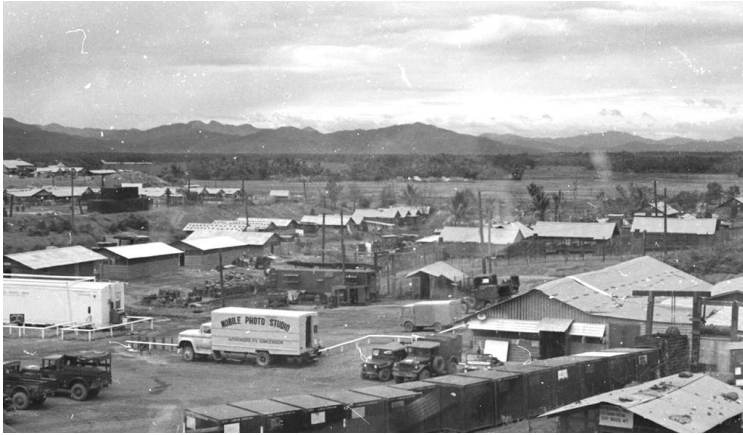
Còn vài ngày nữa tới tết, ông chi đoàn trưởng gặp tôi hỏi về số tiền lúc trước, tôi trả lời ông cách nay hơn tháng, tôi có lấy ra mấy ngàn, tụi tôi đi hỏi vợ cho thiếu úy Châu Quyên, tới đầu tháng đã trả lại đầy đủ, ông ngạc nhiên "mấy ông giỏi dám mang rượu chè đến nhà hỏi con gái người ta, thôi chuyện này nói sau, bây giờ ông với ông chi đoàn phó xuống Bồng Sơn, coi xem có gì mua cho lính mình, gia đình họ phần lớn vẫn còn ở trên Pleiku, có chút gì cho tất niên để họ đỡ buồn".

Qui Nhơn là cửa ngõ lên vùng cao nguyên, các sư đoàn Đại Hàn trấn đóng dọc vùng duyên hải. Tại Phú Tài trên là trời dưới là hàng hóa của Mỹ và Đại Hàn, thứ gì cũng có, nguồn hàng dồi dào này cũng tìm đường ngược về Bồng Sơn. Lúc ấy một chai whisky JIM BEAN, hoặc số 7 chưa tới 5 trăm đồng, tôi bàn với ông chi đoàn phó, lính tráng mà thiếu rượu thì chẳng còn là lính, chỉ để một ít tiền mua cái gì cho tượng

trung, còn muốn “cho huy hoàng” lính góp thêm một chút.

Người lính ngoài đơn vị, không kể khả năng ứng phó với các tình huống nơi chiến trường, nhiều người có những năng khiếu rất đặc biệt, một trong các tài vật đó là việc ẩm thực, một con gà, con vịt đang còn sống nhẵn, nếu muốn chỉ khoảng hơn mười phút là đã có một món lai rai, ngồi chờ các món khác. Mỗi chi đội đều có một vài người như thế, và sự chuẩn bị cho bữa tất niên dựa vào sự xoay xở của những người này.

Còn hai ngày nữa đến tết. Chi đoàn được lệnh về Đệ Đức ứng chiến cho trung đoàn. Đệ Đức là nơi đặt bộ chỉ huy của



trung đoàn 40, tọa lạc trên khoảng đất khá lớn phía tây của quốc lộ 1, đối diện về phía đông là quả đồi thấp, đỉnh đã được san bằng phẳng. Chi đoàn thiết giáp được lệnh ứng chiến tại quả đồi này. Tại đây không có hệ thống phòng thủ, trước là nơi tập tác

xạ binh sĩ của trung đoàn, chung quanh bao phủ bởi những vườn dừa, nhìn xa về phía biển là khoảng đất ruộng, xa hơn nữa vài căn nhà lều tều giữa mây hàng dừa. Về ứng chiến tại đây binh sĩ vất vả hơn nhiều. Phòng thủ đã chiến, đặt mìn bẫy mỗi khi trời tối, thu hồi vào lúc tảng sáng, trực gác phải tảng gấp đôi. Tuy vậy chi đoàn quyết định vẫn tổ chức tất niên, một nửa tất niên, một nửa ứng chiến, và giải tán trước khi trời tối.

Cho dù có sự cấp rập, nhờ tài ứng biến của những người

lính, cuộc vui diễn ra hào hứng, như bao nhiêu các “cuộc vui của lính” cho dù ở cận kề hiểm nguy. Khởi đầu là sự dè chừng do sự có mặt của vài người không thân quen, nhưng rồi, qua vài vòng rượu làm mọi người thành gần gũi, rượu đã giúp mỗi người sống thật với mình, dám nói những điều mà bình thường không dám nói, rôm rả chuyện mình chuyện người, và dĩ nhiên không thiếu chuyện tiếu lâm. Những cố vấn Mỹ cũng muốn hoà đồng, họ đến từ một xã hội tử tế, nên khi tham dự họ đều mang theo bánh kẹo và rượu để góp vào. Hạ sĩ quan Mỹ, có người tới đợt hồi hương, họ xin ở lại, những người này thì đã thành thân, lính mình tới đâu họ chơi tới đó, có những hạ sĩ quan da màu họ ăn được cả nước mắm. Sĩ quan thì chừng mực, ăn uống cho có lệ, chỉ tò mò quan sát. Cuộc vui sẽ không chấm dứt nửa chừng, nếu không có lệnh ngưng vì an ninh.

Trưa ngày 30, thượng sĩ Ba gặp tôi, ông nói " nhà tôi với mấy cháu mới từ Pleiku xuống đây mấy ngày, may quá mới mượn được căn nhà, do người chủ về nhà ăn tết, chiều nay mời thiếu úy xuống uống với tôi chén rượu nhạt". Thượng sĩ Ba là hạ sĩ quan kỳ cựu của chi đoàn, lăn lộn suốt từ bắc vào nam, lúc trước ông là chi đội phó cho tôi, sau chi đoàn biến cải thành thiết kỵ, chi đoàn bổ xung cho tôi một chuẩn úy, vì vậy bây giờ ông phụ trách một phân đội.

Đối với phần lớn các gia đình miền bắc, miền trung, bữa ăn quan trọng nhất trong năm chính là bữa ăn chiều ba mươi tết, đó là bữa ăn đoàn tụ, anh em con cháu dù xa xôi cách trở cũng ráng tìm cách quay về. Với một số gia đình nghèo, mâm cơm chiều nay còn là thể hiện những mong ước trong suốt một năm làm việc vất vả. Và trong ý nghĩa tinh thần mâm cơm chiều ba mươi còn được coi như một lễ vật mời thỉnh ông bà, cha mẹ đã khuất bóng về cùng con cháu. Bữa ăn có khi được chuẩn bị cả tháng trước, và được sự chăm sóc dưới bàn tay người mẹ người chị, em gái trong gia đình. Hiểu được ý nghĩa của lời mời, tôi nói với ông tôi sẽ xuống.

Chiều tôi xuống, hai ba người lính trong phân đội của ông đã có mặt, mấy người lính này mới chiều qua nói chuyện tiếu lâm còn không biết ngượng miệng, lúc này đều tỏ vẻ nghiêm trang. Nhìn quanh, trong góc nhà ba thùng gỗ pháo binh chồng

lên nhau làm bàn thờ gia tiên. Cũng có dăm bông hoa, đĩa trái cây theo phong cách người miền nam.

Cha ông ta xưa đi về phương nam mở nước. Đối diện với sương lam chướng khí, thú dữ rình mò, cuộc sống lâm than, bất ổn, có khi vượt quá sức chịu đựng, nên kiếm tìm chỗ dựa nơi chốn vô hình. Những mong cầu lâu ngày trở thành tập tục, và được thể hiện nơi mâm ngũ quả, và nồi canh khổ qua hầm ngày tết của đồng bào miền nam. Và những hiện vật này cũng đang hiện diện trong căn nhà thuê tạm này, một gia đình nhỏ bé chỉ mong ước cho vừa đủ xài, và cho nổi khổ chóng qua. Mâm cơm dọn ra, ông thượng sĩ mời chúng tôi cầm đũa, nhưng hai cháu nhỏ vẫn ngồi cạnh chiếc giường trong góc nhà, và bà vợ ông đang loay hoay dùng mấy sợi lạt cắt mấy đòn bánh tét thành từng khoanh, thấy vậy tôi lên tiếng "Tôi thay mặt cho mấy ông đây, cảm ơn ông đã cho chúng tôi được góp mặt trong bữa ăn này, đời lính nay đây mai đó, bà và các cháu lặn lội xuống đây để ông có chút hương vị gia đình, mới chỉ có mấy ngày đã phải dời từ Tam Quan xuống đây, bao nhiêu là việc, thời gian chẳng nhiều mà còn lo được bữa ăn này. Tôi như ông biết vẫn còn độc thân, mấy ông đây thì cũng độc thân tại chỗ, chúng tôi ngồi đây mong tìm được chút không khí gia đình, vậy ông nói các cháu và bà nữa ngồi cả xuống đây, mai là mồng một nếu không phải trực gác ông ở dưới này với các cháu, việc của phân đội tôi sẽ nhờ chuẩn úy Lân".

Đêm cũng đã khuya, phần lớn binh sĩ cũng đã đi ngủ, tôi leo lên một chiếc xe có người lính đang ngồi gác, người lính này thấy tôi lên tưởng tôi đi kiểm soát, sửa lại thế ngồi ngay ngắn. Một lát thấy tôi chẳng nói gì, chỉ nhìn chăm chú vào màn đêm, anh ta lên tiếng "nhớ nhà quá thiếu úy", tôi cũng tỏ bày "ngày này thì ai cũng nhớ nhà".

Một lát người lính này lên tiếng gần như tâm sự "hồi chiều thiếu úy ở dưới nhà thượng sĩ Ba thiếu úy không biết, tôi, thằng Ca, trung sĩ Chanh ra quán chị em con Bình, Trị, Thiên uống rượu tất niên, tụi nó lo về nhà chẳng có mời, ngồi buồn uống khan, một lát tự nhiên trung sĩ Chanh bung mặt khóc quá trời, tụi tôi đưa ông về, ông ngủ luôn trong xe từ chiều tới giờ.

Người lính này có thể chưa đủ từng trải để cảm thông được những giọt nước mắt của người trung sĩ hồi chiêu, và cả tôi có lẽ cũng chẳng hiểu, nếu không có một lần chứng kiến một trường hợp tương tự. Năng lực mỗi con người đều có những hạn chế, có thể không thấy được do những bận rộn hàng ngày, hoặc sống trong ảo tưởng. Rồi có một lúc nào đó, do tác động từ ngoại cảnh, như ngày Tết về, nhìn lại mình, và nhớ những giọt nước mắt thương thân. Ngồi buồn uống rượu trong buổi chiều cuối năm, chủ quán chỉ mong về nhà, có thể liên tưởng cha mẹ già lụm cùm nơi quê xa, về vợ con nơi trại gia binh đang thiếu bóng mình im lặng nhìn những chiếc M113 nằm im lìm tưởng như vô tri , vô giác, nhưng trong lòng nằng chũu những ưu tư,...và rồi những giọt nước mắt nhỏ ra như trung sĩ Chanh chiều nay...

Suy nghĩ vẫn vơ , chợt nhìn thấy đóm lửa hắt ra từ căn nhà phía xa, người lính này chắc chắn đã nhìn thấy ánh lửa kia, và từ vô thức đã thốt lên hai tiếng nhớ nhà. Đơn độc trong đêm khuya, nhìn về ánh lửa nơi xa, luôn khơi động trong tim niềm thương, nỗi nhớ, hoài niệm những tháng ngày êm ấm của tuổi ấu thơ trong thời thanh bình cũ. Hành trang vào đời của mỗi người là tập hợp của biết bao kí ức. Làm sao quên được những ngày xuân thanh bình, quây quần bên gia đình trong đêm khuya cùng thức canh nồi bánh chưng, bánh tét. Êm đềm quá! Nồng ấm tình thân quá! Dễ có ai quên. Đã có ai cùng ngồi quanh đống lửa nhìn những ánh mắt rực sáng của đám em thơ chăm chú dõi theo cánh tay đang thoăn thoắt của người chị lật qua lật lại tấm bánh phồng giữa ngọn lửa hồng.

Chắc chẳng còn bao lâu nữa sẽ đến giao thừa, có thể có vài trái sáng được bắn lên để ghi dấu thời khắc đáng nhớ trong năm, góp một phần làm phấn chấn một số người còn đang canh thức. Những đóm hỏa châu sẽ sáng lên trong năm mươi phút...

Nhưng đóm lửa trong căn nhà nơi xa xôi kia của một thời dĩ vãng thương đau sẽ là một ám ảnh tôi trong suốt đêm nay.

Trần Châu Giang 22

**Xuân
trong
thơ
Nguyễn
Chí
Thiện**



Như một nén hương tưởng nhớ Hương hồn Thomas More
Trần Phong Vũ

Nói về thơ Nguyễn Chí Thiện, thường người ta chỉ chú ý tới những ngôn từ khô khốc, lạnh lùng, danh thép để hải tội cộng sản của ông. Điều này có thể hiểu được. Bởi vì ngay từ cuối thập niên 70, khi mấy trăm bài thơ được ông liềm mình ném vào tòa đại sứ Anh ở Hà Nội và sau đó được phổ biến rộng rãi trong các cộng đồng VN tị nạn ở hải ngoại thì hầu hết mọi người, khi nói tới thơ của ông không mấy ai không bị ám ảnh bởi những vần thơ chống cộng quyết liệt mà mấy bài “chửi” Hồ Chí Minh với danh xưng “thằng”, “nó” là điển hình. Trong bài viết cuối cùng đọc tuyển tập thơ văn của tôi được post lên Diễn Đàn Thế Kỷ và ĐCV Online đầu tháng 9 năm 2012, khoảng một tháng trước ngày phải vào bệnh viện, đồng thời được đăng tải trên nguyệt san Diễn Đàn Giáo Dân số phát hành tháng 10 sau đó, chính ông đã thừa nhận: “...hầu hết thơ tôi được ghi lại trong cảnh tù đầy, mang nặng những đau thương, uất nghẹn của thân phận những con người đang phải sống dưới ách thống trị bạo tàn, cay nghiệt

của tập đoàn cộng sản. Nó là những hiện thực trần trụi, đơn sơ, không có tu từ văn chương...”.

Cũng vì thế, ngoại trừ những ai có cơ duyên gần gũi tác giả Hoa Địa Ngục (HĐN), được cố thi sĩ chia sẻ những góc khuất trong tâm hồn ông, hoặc chịu khó nghiền ngẫm, đi sâu vào nội dung thơ ông, mới có người biết hoặc chú ý tới khía cạnh tình cảm của nhà thơ họ Nguyễn. Do đó đã có không ít những ngộ nhận thật đáng tiếc trong công luận người Việt cho rằng ông là người khô khan, lạnh lùng, thậm chí vô cảm! Thực tế có đúng như vậy không?

Nhân dịp Tết năm nay một lần nữa lại trở về với người Việt ly hương, chúng ta thử tìm vào những ngõ ngách riêng tư, sâu kín trong thơ Nguyễn Chí Thiện để coi ông đã sống, đã cảm nhận và suy nghĩ ra sao trong những dịp Đông tàn, Xuân tới. Tác giả HĐN qua đời ngày 02-10-2012, thọ 73 tuổi. Trừ đi 17 năm sống ở hải ngoại (1995 – 2012), nhà thơ họ Nguyễn có 56 năm sống trên quê hương. Và với trên nửa thế kỷ ấy, những nhà tù cay nghiệt của chế độ bạo tàn cộng sản Hà Nội đã cướp đi của ông 27 năm trường, tức gần phân nửa thời gian.

Đọc thi phẩm HĐN, chúng ta biết ông làm thơ rất sớm. Bài Mất Em, cố thi sĩ sáng tác từ năm 1958, lúc 19 tuổi, và hai bài thơ chót là bài Vết Mây Hồng và Bóng Hồng Dương Thế ông ghi năm 1996. Như thế, hầu hết thơ ông được viết trong thời gian ở tù và khoảng ngót 10 năm tự do nửa vời giữa ba chặng bị giam giữ. Chi tiết này khá quan trọng. Nó giúp người đọc phát hiện một nét khác trong cõi thơ Nguyễn Chí Thiện: Đó là hình bóng những Mùa Xuân, xáo trộn với những tháng năm tù đày, đói khổ, xót xa cho đồng bào và thương nhớ gia đình, thân nhân, trong thơ ông.

Trong phần Những Ghi Chép Vụn Vặt, đoạn 68 trang 435 HĐN, tác giả ngâm ngùi vẽ lại trước mắt và trong trí người thường ngoạn những biến động lớn nơi tâm hồn ông trong thời khoảng mười năm, giữa tuổi 16 và tuổi 26. Ở tuổi trăng tròn, hồn thơ phơi phới, lòng người trai mới lớn rộn ràng chào đón những đóa hoa muôn màu muôn sắc giữa trời Xuân như đang đua cười trong nắng. Nhưng khi bước vào Mùa

Xuân thứ 26, sau ba năm rưỡi bị cộng sản đẩy vào tù lần thứ nhất, trước mắt và trong đáy hồn người thơ, Xuân về, Tết đến chỉ còn là cảnh tượng hoa tàn, nắng nhạt!

“Tuổi tôi, Xuân ấy, Xuân mười sáu,

Đời nắng vàng hoa mơ cười thơ

Tuổi tôi, Xuân tới, Xuân hăm sáu,

Nhật nắng, tàn hoa, thơ khóc mơ!”

Đọc tiểu sử cổ thi sĩ, ta biết, năm 1961, lần đầu Nguyễn Chí Thiện bị kết án hai năm tù vì trong một lần dạy giúp người bạn 2 giờ môn sử địa, dù biết là nguy hiểm, nhưng với tâm tình ngay thẳng, yêu chuộng sự thật, ông đã “gồng mình” mở mắt cho đám học trò nhỏ dại một chi tiết bóp méo lịch sử quan trọng trong sách giáo khoa của đảng và nhà nước cộng sản đã phủ nhận vai trò Hoa Kỳ và đồng minh để trắng trợn ghi là Liên Xô là tác nhân khiến Nhật Bản phải đầu hàng trong thế chiến thứ hai! Tuy bản án ghi rõ hai năm tù với tội danh phản tuyên truyền, đầu độc tuổi trẻ (!), nhưng thực tế ông đã bị giam ba năm rưỡi, mãi cho tới năm 1964 mới được trả tự do, một thứ tự do có giới hạn vì hàng tháng vẫn phải trình diện với công an.

Và như thế ông đã trải qua ba Mùa Xuân trong nhà tù cộng sản riêng trong đợt giam lần đầu tiên này.

Sau đây là trích đoạn một số những bài thơ Xuân của tác giả HĐN sáng tác trong thời khoảng ấy. Tất cả nói lên tâm trạng ngậm ngùi, uất nghẹn của nhà thơ trước cảnh Xuân về trong ngục tù cộng sản, đến nỗi có những lúc tuồng như ông đã mất hết hy vọng ở ngày mai, không còn thiết sống nữa. Và trong những phút giây bị nhận chìm trong đống đau tuyệt vọng ấy, hình ảnh những người ruột thịt lại trở về tra vấn tâm não người thơ.

Ngày Xuân tới hỏi sinh muôn vật,

Sao lòng ta khô héo chẳng tươi màu?

Ta nhớ khi xưa – Ôi thuở ban đầu!

Bao náo nức, bao niềm mơ, nỗi ước!

Nhưng buồn, giận,

Đau thương

*Theo mãi ta từng bước
Biết nói sao và biết làm chi?*

.....

Giữa giây phút giao thừa –năm cũ vừa qua và một Mùa Xuân nữa đang trở về-, người thơ cảm thấy lòng mình tả tơi, tan tác như xác pháo của ai kia vừa đốt từ xa vọng về để chào đón những giờ phút linh thiêng đầu tiên của một năm mới. Trong một giây xúc động, ông nghĩ tới hai tấm lòng già đang vò vò đợi chờ người con trai xa vắng. Cùng với lòng nhớ thương Cha Mẹ, ông không giấu được cái mặc cảm mình chỉ là đứa con hư, đã không giúp được gì cho song thân lại còn là mũi nhọn đâm thấu tim gan các người! Từ đấy, ông như muốn trút tất cả mối oán hận vào thơ để lên án cái căn nguyên đã đẩy ông và biết bao lương dân Việt Nam vô tội và vòng lao lý.

*Đêm nay giao thừa, lòng ta tả tơi xác pháo
Nỗi niềm riêng đầy đọa tâm tư
Cha Mẹ ơi, đừng giận đứa con hư
Hãy coi nó như là đã chết
Tình thương xót không bao giờ hết
Của Mẹ Cha làm tan nát lòng con
Dù cuộc đời đau khổ chất thành non
Còn Cha Mẹ, con còn phải sống*

.....

Giữa giây phút khổ đau cùng cực, ngắm nhìn cảnh sắc tiêu điều, xơ xác của trời Xuân trong cảnh tù đày, ông chỉ còn biết dùng thơ văn để giải tỏa nỗi lòng.

*Đêm nay, Giao Thừa
Ngoài sân gió thổi
Lá bàng rơi, xơ xác cành khô...
Sương rắc bụi mờ
Ta ngồi viết mấy vần thơ
Giải niềm oan khổ!
(Ngày Xuân Tới, 1961 – trang 81/82 HĐN)*

Theo nhịp chuyển đổi của tiết mùa, mỗi năm Mùa Xuân lại trở về đúng kỳ, đúng hạn. Trong khi ấy, nhìn ra chung quanh non nước vẫn bao trùm một màu tóc tang, âm đạm, người thơ không khỏi đau đớn, xót xa.

Người ta thường có thói quen lấy ngày Tết để đo đếm thời gian, tuổi tác. Trong nỗi cảm hoài kiêu kiêu lại con số đông đảo bạn bè kẻ còn người mất, nhìn vào cảnh ngộ cá chậu chim lồng của chính mình, người thơ bâng khuâng tự hỏi: trước cảnh Xuân về nên mừng hay nên tiếc? Mùa Xuân với những cảnh sắc xanh, hồng, tím biếc, ai là người không yêu mến, mê say? Nhưng khi nó đã bị đầu độc, bị nhận chìm xuống bùn đen như nhớp cùng với thân phận rẻ mặt của con người thì tâm trạng người thơ ra sao?

Xuân này chẳng khác những mùa Xuân

Chỉ thấy đôi chân nặng bước dần

Đường sống không còn xa lắm nữa

Nên mừng? nên tiếc? phân vân..

Lòng trót yêu hồng, xanh, tím, biếc

Đêm dài thương tiếc thêm đen

Bạn quen chết dần từng đũa

Thêm mùa xuân cay đắng nữa trôi qua

(Xuân Này Chẳng Khác - 1961 – trang 87/88 HĐN)

.....

Bài thơ sau đây cổ thi sĩ ghi năm 1964. Căn cứ vào nội dung, ta có thể phỏng đoán tác giả đã sáng tác vào Mùa Xuân năm ấy, cũng là năm chấm dứt ba năm 6 tháng đầu ông nếm mùi nhà tù của chế độ cộng sản.

“Khấp non sông vang nhịp đàn Xuân sáng,

Lòng nặng nề khôn mở đón Xuân sang.

Xuân ước mơ, mơ ước đóng băng rồi,

Thắm nở đào hoa, sắc lòng tím ngắt

Sáng biếc mây trời, tối sầm ánh mắt

Giữa đời buồn, Xuân vẫn tới Xuân ơi!

Muốn cao bay theo khúc đàn xuân mới

Hôn nặng chìm, đôi cánh rũ đau rơi!

Năm tháng trôi, hồng thắm sắp phai rồi

*Thăm nhạt, hồng phai, tiếng lòng thổn thức!
Hiển khúc tung bùng đàn xuân náo nức
Lỗi nhịp rồi, xuân hồi chó ngân cao!
Ước mơ chi khi nợ nần cơm áo
Còn nặng đè lên hình ảnh xanh xao
Xuân đến kia hồn nước chứa phai màu,
Lỗi hẹn cùng Xuân tiếng đời vắng ngắt,
Biết đến bao giờ lòng Xuân mới tắt?
Tiếng ghen ngào sai lỗi nhịp Xuân ơi!
Xuân thơm tươi, Xuân của Đất, của Trời,
Xuân xám ngắt, Xuân của người, của nước!
(Khấp Non Sông - 1964 trang 119 HĐN)*

Trong thời gian ở tù lần thứ hai, từ 1966 đến 1977, khoảng trên dưới 11 năm, Nguyễn Chí Thiện đã trải qua cả chục cái Tết xa nhà, xa nơi chôn nhau cắt rốn, xa người thân thuộc, ngày ngày phải đối diện với cảnh sống đói rét, làm than và những cực hình cay nghiệt, man rợ do bọn cai tù cộng sản giáng xuống.

Ngoài kia, mùa Xuân của Đất của Trời, của vạn vật cỏ hoa vẫn rực rỡ thơm tươi. Nhưng mùa Xuân của Quê Hương, Dân tộc Việt Nam, nhất là của tuyệt đại đa số những thành phần thấp cổ bé miệng, của kiếp sống lao tù vẫn giấu mặt với những sắc màu âm đạm, thê lương! Buồn cho vạn nước ngửa nghiêng, nhìn vào cuộc đời vô vọng của chính mình cũng như của đồng bào mình, người thơ phần hận kêu lên.

*“Nơi đây không có mùa Xuân,
Có chăng chỉ có tuổi Xuân chôn vùi.
Nơi đây cay đắng đủ mùi,
Sấn dẫm ba khâu, trộm vùi giấu lưng!
Thương Xuân không kẻ đón mừng,
Đành cam lạnh lẽo xó rừng đắng cay!
Xuân ơi trót đến chốn này,
Mời Xuân: khẩu sấn... cùng say với tù!... ”*

Thật không còn chữ nghĩa, hình ảnh nào cay đắng, bi thương, và mỉa mai hơn khi đón Xuân tác giả phải gửi vào

thơ ông những câu: Xuân ơi trót đến chốn này // Mời Xuân:
khẩu sắn... cùng say với tù!

Dưới mắt và trong hồn người thơ không còn gì trớ trêu, mai
mĩa hơn cảnh Xuân về mà lòng người giá băng, hờ hững! Hờ
hững, không đón mừng Xuân chỉ vì “tù nhân thi sĩ” quá
nghèo lại mang thân tù tội!

Dù vậy, người thơ vẫn chưa nguôi niềm hy vọng. Ông lạc
quan hứa hẹn:

*“Ngày mai tan lớp mây mù
Đón xuân tù hứa sẽ bù cho Xuân”*
(Nơi Đây - 1974 trang 229/230)

Đây là hoạt cảnh thê lương của một mùa Xuân lơ lảo trở về
trên những kiếp sống tù đầy tại quê hương miền Bắc trước
tháng Tư năm 1975.

Là người đã ra tù vào khám trong suốt mấy chục năm
trường, -từ những năm đầu thập niên 60 qua những năm dài
của cuộc chiến tranh tương tàn đẫm máu, tới thời gian sau
khi cộng sản chiếm được miền Nam-, hơn ai hết, nhà thơ
Nguyễn Chí Thiện đã cảm thông được trọn vẹn nỗi nhục
nhân, cay đắng của những con người chỉ vì tội yêu nước, yêu
tự do mà trở thành nạn nhân trong bàn tay sắt của cộng sản.
Họ đã phải kéo lê kiếp sống thú vật trong những nhà tù được
dựng lên khắp nước, nhất là tại những vùng núi rừng độc địa
ở biên thùy Hoa Việt. Khẩu phần hàng ngày là miếng sắn củ
khoai, những hạt bo bo khô cứng, trong khi phải lao động
triền miên đầu tắt mặt tối... lại phải gánh chịu những trận
đòn thù man rợ triền miên, thì Xuân qua, Tết đến chỉ làm nổi
bật thêm cái hoạt cảnh thê lương của kiếp sống đọa đầy mà
thôi.

Trong tình huống ấy, những mùa Xuân tươi thắm, rộn ràng
năm cũ chỉ còn là vang bóng, là những giấc mơ không trọn
trong lòng người thơ.

*Ngày tết ngàn năm thiêng liêng đã đến
Xà lim lạnh tím xương da
Tăm tối, thói khai, khám xét phiên hà
Muối trắng khô lòng hai bữa*

*Chân phù nước lã thay com!
Hôm sớm ảo mờ choáng vầng
Nấm mỡ vùi táng nhớp nhơ*

.....

Người thơ khao khát được sống lại những mùa Xuân xưa cũ.
Ở đây, có Mẹ, có Cha, có bếp lửa gia đình êm ấm, với nồi
bánh chưng bốc khói, với bát canh măng, với đĩa giò hoa và
mọi người quây quần, đoàn tụ bên nhau trong không khí tràn
ngập yêu thương. Nhưng tất cả, rốt cuộc chỉ là một giấc mơ
không bao giờ thành hiện thực khi sống lưng gầy guộc của
ông chạm vào cái lạnh thấu xương của sàn xi măng băng giá!

*Ôi làm sao sống lại
Những mùa xuân ngắt ngậy
Những mùa xuân không bao giờ còn thấy
Để ta tận hưởng cảnh xum vầy
Ấm cúng
Tràn đầy yêu thương!
Ngàn đời yêu thương
Sàn xi măng băng giá lạ thường
Hơi lạnh toát ra làm ta đau buốt
Suốt xương lưng
Nồi bánh chưng mẹ luộc vẫn bập bùng
Qua bóng đêm buồn xứ sở
Thấp sáng chân trời xưa cũ, xót xa
Bát canh măng, canh bóng, đĩa giò hoa
Không khí thiêng liêng, thành kính
Đã ngấm sâu vào trong máu xương ta
Như những thâm tình ruột thịt
Không thể nào quên nổi, thiết tha!
Kìa, Mẹ Cha ta
Anh, chị, bạn bè
Hương khói ly trà chén rượu
Những cảnh những tình khi ta hiểu
Thời không còn, tan tác từ lâu!*

.....

Bao mùa xuân thăm thăm trôi qua

Bài thơ được sáng tác vào năm 1984, tức là đã 5 năm trường
cố thi sĩ bị tống vào nhà tù Hỏa Lò với hơn 1000 ngày đầu bị
biệt giam trong phòng tối. Tính chung hai đợt tù trước với 5
năm tù lần này, bầm đốt ngón tay, tác giả HĐN đã bóc hết
hơn 20 block lịch với hơn 20 lần phải miễn cưỡng chào đón
Chúa Xuân! Cho nên đối với ông chuyện ngày Tết, ngày
Xuân chỉ gợi nhớ rằng mình vừa bị đẩy gần thêm vào cái
chết, khi mà xương da ủ rữ muốn tiêu tan // Tiếng pháo bên
ngoài ảo não, khô khan // Ta nằm như chó ốm, lụi tàn!

..... *Mơ về tổ ấm xa xưa*

Cho trái tim máu ứa, lệ chan hòa

Xóa nhòa thực tại

Giây phút chập chờn sống lại Mẹ Cha ta

Hiên hòa mà trang nghiêm nhất

Ta đứng bên cành đào, cây quất

Rượu ngà say...

Hương khói vờn bay

Đỉnh đồng, mâm ngũ quả

Ngàn xưa tỏa ngát, xanh tươi

Pháo nổ vang trời ầm ập

Song sàn đá xi măng lạnh toát

Thân gầy run rẩy toàn thân

Tê nhức đôi chân

Đau đầu, buốt thận

Đâu phút cam lai?

Đâu giờ khổ tận?

Ta khát, ta thèm ca nước đun sôi

Pháo nổ liên hồi

Nhức óc!

Ta trùm chăn kín mặt

Run run...

Giao thừa như đã đến

Sốt lên cơn!"

(Ngày Tết - 1984 trang 322/23/24/25 HĐN)

.....

Bài Tết Đến dưới đây cũng được cố thi sĩ sáng tác năm 1984 trước khi bị chuyển từ Hỏa Lò tới trại giam B14 ở Thanh Liệt, cách Hà Nội khoảng 7, 8 cây số. Nơi đây, ông có dịp gặp gỡ Võ Đại Tôn. Đây cũng là thời gian sức khỏe thể chất của ông đã lâm vào tình trạng suy thoái trầm trọng.

Tết đến thần kinh mới

Tuổi xuân, nhựa sống không còn

Đất nước ngâm chìm, chìm đắm héo hon

Mòn mỏi xương da, bao la tiếc hối!

Ôi! Những ngày xưa xa xôi

Nắng gió mây trời, đời như mở hội

Hồn như réo sôi

Ấm áp tình người mà không hề sưởi ấm

Thành muôn buốt lịm tìm đăm

Trái tim già cõi!

Giọt lệ như giọt sương nóng hối

Từ từ lăn trên bộ mặt điêu tàn

Tiếng pháo giao thừa hỗn loạn nổ ran

Làm vỡ rạn

Ngàn muôn vết rạn

Máu tươi loang

Đuôi uoi, rắn rết vui xuân

Người trăm luân dưới đáy ngục trần!

(Tết Đến, 1984 – 329/330 HĐN)

Và đây là vài đoạn thơ bốn chữ như những vết chém trong hồn người thơ trước cảnh Xuân về khi ngó xuống thân phận khổ đau uất nghẹn của kiếp sống tù đày!

Bốn bức rào nửa

Cửa vào mùa Xuân

Một cách bắt nhân!

Mùa Xuân máu ứa!

Nước mắt là mưa Xuân!

Máu người là nắng Xuân!

Rớt rã là nhựa Xuân!

Mồ hôi là mồ Xuân!

(Ghi chép vụn. Các đoạn 47/48/49 trang 429/30 HDN)

Thật không còn sự so sánh nào nữa mai, cay đắng và thể thảm hơn. Mùa Xuân của trời mây, cỏ hoa, non nước vẫn bước những bước hồn nhiên, lơ lảo trở về trong khi dưới mắt và trong hồn của người thơ tù ngục chỉ thấy toàn là nước mắt, rớt rãi, mờ hôi... và máu! những thứ đã trở thành mưa Xuân, nắng Xuân và nhựa Xuân dưới khung trời Xã Hội Chủ Nghĩa!

Những đợi chờ, những mơ ước cùng với thời gian mòn mỏi trôi qua trong khi vận nước vẫn chìm sâu trong đêm tối và đời sống con người, dù trong nhà tù hay giữa đời thường, vẫn chỉ là tổng hợp của những lâm than, đói rách, khổ đau!

*“Và cứ thế, năm tàn Xuân tới,
Hè qua Thu, ủ rũ Đông về!
Tuổi Xuân trôi, đời vẫn tôi bời!
Trong đói khổ lao tù, thất thế!*

(Ghi chép vụn. Đoạn 97 trang 441)

*Có những mùa xuân chưa về đã hết
Tôi một mình tìm ngõ tối lang thang
Tiếng pháo từ nơi phố xá nhạt vàng
Nghe lạnh lẽo như vọng từ cõi chết!*

(Chi chép vụn.. Đoạn 65 trang 434)

*Tim vắng vẻ thường bọn bè u uất
Mỗi độ Xuân về trên mảnh đất đau thương
Nhớ cảnh, nhớ người, nhớ khói, nhớ hương
Nhớ không khí yêu thương, ngàn đời đã mất!*

(Ghi chép vụn. Đoạn 209 trang 467-68)

Đây là tiếng lòng của người thơ tù ngục Nguyễn Chí Thiện. Đây cũng là những tiếng khóc đau thương tuyệt vọng của tuổi trẻ Việt Nam dưới triều đại cộng sản lên ngôi trong hơn nửa thế kỷ qua, kể từ khi chúng thôn tính được một nửa lãnh thổ phía bắc vĩ tuyến 17 sau tháng 7 năm 1954. Biết bao thế hệ trẻ đã bị dồn vào ngõ cụt của cuộc đời. Trong tình huống

đau thương, tuyệt vọng ấy, cảnh năm tàn Xuân tới chỉ càng làm cho họ thấy rõ hơn nỗi bất hạnh của mình mà thôi.

Ngày 02-10-2012, tác giả HĐN đã vĩnh viễn ra khỏi cuộc đời. Ông đã thật sự rũ bỏ mọi khổ đau trần thế để đi về miền miền viễn. Nhưng những vần thơ Xuân của ông vẫn đang gọi lên trong tâm hồn đồng bào ông một nỗi cảm hoài da diết trong khi đón mừng những Mùa Xuân ngơ ngác trở về nơi xứ lạ.



Rút gọn một chương trong tác phẩm “Nguyễn Chí Thiện Trái Tim Hồng” do tù sách Tiếng Quê Hương xuất bản dịp Huy Nhật đầu tác giả Hoa Địa Ngục (02-10-2013)

Trần Phong Vũ

Chào Xuân Giao Xuân

Ngũ Lâm Cơ

Vậy là đã cuối năm nữa rồi. Hồi xưa ở VN, sao em thấy lâu oi là lâu. Bấy năm trung học thấy như cả một...đời người, mười năm ông chồng em đi tù thấy như một...thế kỷ. Vậy mà ở nơi cái xứ được gọi là “tạm dung” này, một năm đi qua cái vèo, mới thấy “goai tru kê” đây mà giờ đã thành 2016, và tháng ngày “tạm” dung của người Việt đã thành gần nửa thế kỷ. Buồn ghê! Ngày tháng qua ào ào, con người cũng thay đổi nhanh chóng ghê. Em vừa mới dọn dẹp một ngăn tủ (một ngăn thôi, không dám đụng tới nguyên cái tủ. Đụng vô nguyên tủ là liên miên ngày tháng hết cái nợ tiếc đến cái kia ủa, chẳng biết tới bao giờ mới dọn dẹp xong) và tìm thấy một cái hình ngày xưa xưa xưa xưa thừa còn đi học, chụp trong



Sở Thú bên hồ sen.
Trời, sao hồi xưa
trông em cũng
hiền... dữ vậy nè ?
Xong em nhìn lại em
trong chiếc gương
trên bàn bên cạnh,
trời, sao bây giờ, thời
gian qua, trải bao
nhiêu dâu bao nhiêu
bể, bao nhiêu tai
ương (☹ !!!), cái mặt
em giờ sao trông ...
ghê quá sức, tròn
xoe, còn tròn hơn cả
Thúy Vân nữa. Thúy
Vân có tròn cũng cỡ

360 độ là cùng, cái mặt em giờ hình như 361 độ rưỡi lận. Ông chồng em còn gọi em là bà Phán Cảnh nữa. Ui hỡi thời gian !



Thôi kỳ này là Tết, em xin tạm gác những chuyện bực mình như chuyện “Terror in Little Saigon” sang một bên, để không làm mất vui quý vị những ngày tết cổ truyền thiêng liêng vậy, dù thực sự em có rất là nhiều điều âm ức rất muốn nói. Nói nhiều đôi khi có hại ngoài ý muốn. Tuy nhiên, như nhà thơ Phùng Quán có nói:

Yêu ai cứ bảo là yêu

Ghét ai cứ bảo là ghét

Dù ai ngon ngọt nuông chiều

Cũng không nói yêu thành ghét

Dù ai cầm dao dọa giết

Cũng không nói ghét thành yêu...”

Nên, cho em được nói một tí xíu thôi ý của riêng em với, là, đối với những tên thời đó đang được sống, đang được hít thở không khí tự do nơi đây trong khi bao nhiêu người VN đang oằn mình dưới ách cai trị độc ác của Việt cộng nơi quê nhà, người thì đang bị giam cầm trong các trại cải tạo giữa non cao, rừng sâu, trẻ con phụ nữ thì đói khát, bệnh tật nơi các khu kinh tế mới, còn lũ cán bộ cầm quyền thì mập ú, ở nhà cao, đi xe xịn, vậy mà những tên nhân danh tự do ngôn luận tự do báo chí nơi đây, lại công khai cổ võ hoan hô lũ giặc ở quê nhà như thế thì chính em, em cũng muốn pằng cho một phát cho những kẻ đó về gặp "bác Hồ" cho rồi, vì trên thực tế những tên này dù hết sức cố vũ cho Việt Cộng nhưng từ chính bản thân đến toàn gia đình đều vẫn nhất định ý ra, kiên quyết sống ở Mỹ này, chẳng ai chịu về sống với VC hết cả. Người Mỹ có cái nhìn theo quan niệm của người Mỹ. Em người Việt có cái nhìn của em, một người Việt. Ngày xưa miền Nam cũng đã lịch sự với những tên ăn cơm quốc gia thờ ma CS như thế nên hôm nay em mới đang phải ngồi đây để ngày Tết nhớ quê nhà. Chẳng nên để những lịch sử xấu như thế được phép tái diễn hoài hoài làm chi...

Wow, em đã nói sẽ không nói chuyện chính chị chính em gì hết kỳ này, vậy mà nãy giờ hình như em lại đang lảm nhảm lan man về đúng chuyện không muốn nói ấy. Tết nhất tới nơi rồi, không nên có chuyện chẳng hay ho xảy ra, xui lắm, giông cả năm. Thôi em qua chuyện nào nghe có vẻ Tết chút xíu vậy.

Hôm qua, tự nhiên em mở computer và thấy lại một bài thơ của Thôi Hộ. Em vẫn thừa với quý vị hoài, là em rất không ưa Tàu tí xíu nào hết á. Nhưng hình như ghét của nào trời cứ luôn hay... trao của ấy, nên chẳng hề định mà em lại có khá nhiều đồng nghiệp là Tàu, mà một trong những người Tàu ấy lại là bạn rất thân của em, cùng vô county một ngày, cùng training một lớp. Có điều nó là Tàu Singapour, còn chồng nó là Tàu Đài loan nên em thấy cũng hơi... đỡ đỡ, không có va

chạm quyền lợi quốc gia gì gì lắm. Em lại còn cũng thích thơ Đường của Tàu nữa, trời ạ! Hồi chưa học em cứ nghĩ Lý Bạch chắc chỉ toàn tối ngày ngồi làm thơ ca tụng sắc đẹp Dương Quý Phi rồi say, xin lên xin xuống thôi, cho tới khi học văn chương Việt Hán rồi em mới thấy ủa sao thơ về chiến tranh của Lý Bạch cũng nhiều và hay quá vậy nè. Nhưng em vẫn không ưa lắm những thơ thần thưởng hoa vịnh nguyệt, dù có là Đường thi. Thế nhưng bài thơ của Thôi Hộ thi dù có tả hoa đào, cũng không phải là một bài thưởng hoa vịnh nguyệt chút xíu nào:

Khứ niên kim nhật thử môn trung

Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Nhân diện bất tri hà xứ khứ?

Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

Bài thơ làm em nhớ ghê bài hát Cô Láng Giếng ui của Hoàng Quý, Việt nam:

Hôm nay trời xuân bao tươi thắm

Dừng gót phiêu linh về thăm nhà

Chân bước trên đường đầy hoa đào rơi

Tôi đã hình dung nét ai đang cười....

Ôi những mối tình thật đẹp, thật tuyệt vời, làm cho mùa xuân cũng đẹp lây, hoa đào cũng thơ lây, và làm em tự nhiên nhớ Đà-lạt ghê. Ở nơi em đang sống đây, mùa xuân hoa đào hoa mận cũng nở khắp các lối đi, rất giống Đà lạt. Hồi xưa năm nào em cũng được ba em cho lên ĐL, hoặc hè, hoặc Noel. Lần đầu tiên em lên là mùa hè, em vừa thi xong trung học đệ nhất cấp và đậu bình nên ba em cho đi với hai con bạn thân trong lớp, lên ở nhà anh chị nó. Những năm sau em lên ở với Lệ Khánh, ba Khánh là phó ty cảnh sát ĐL nhà rất rộng và

em ở với Khánh trên căn gác “thế giới riêng của thi sĩ”, có cửa sổ nhìn ra hàng Mimosa phía trước thật đẹp. Và mùa Noel đầu tiên, lần đầu tiên em thấy hoa anh đào. Em đã đứng sững khi bất chợt gặp một cây hoa nở rục rờ từ gốc tới ngọn cạnh Suối Vàng, tưởng mình đang lạc vào chốn thần tiên của Alice hay Thiên Thai của Văn Cao.

Ôi những ngày xưa thân ái...

Thế nhưng nói tới thơ thần tự nhiên em lại...buồn ghê. Hôm trước em đọc trên net một bài của một ông trong đó ông có trích hai câu thơ từ đâu đó, hai câu thơ của một người cán binh Việt cộng, mà đọc xong bỗng buồn quá đỗi:

Đò qua Thạch Hãn xin chèo nhẹ,

Đáy sông còn đó bạn tôi nằm

Ngày xưa khi cả nước lên đường chống Pháp, văn học Việt Nam có Quang Dũng, một người Hà nội như bao nhiêu những người Hà nội khác đã bỏ lại tất cả, cả những “giáng kiềng thơm” để lên đường Tây tiến, đi chặng tiếc đời trai, cùng những người áo bào thay chiếu về với đất. Đến thời em lớn lên, miền Nam có biết bao nhiêu nhà thơ nói về người lính, về cuộc chiến. Thế nhưng ở văn chương miền Bắc XHCN, những “tác phẩm văn học” của các tác giả được xưng tụng hàng đầu, Tố Hữu, Trần Đăng Khoa, “pak Hồ” v.v..., em chỉ thấy nếu không là những khẩu hiệu thi đua, đầy người khác đi lao động, đi vượt Trường Sơn, thì cũng lại ca tụng “lãnh tụ kính yêu”. Không hề thấy một bài nào, một câu nào nói lên được chút hình ảnh trung thực của những người lính miền Bắc hết. Hai câu trên là hai câu em mới thấy lần đầu tiên nhắc đến một hình ảnh thực của những người “bộ đội cụ Hồ”.

Đó thực là một đội quân gồm những kẻ chỉ huy dã man, tàn ác ngồi ngất ngưỡng trên cao và những người bộ đội chân bị xiềng vào xe tăng, vào cỗ đại pháo những ngày chiến tranh xưa, hay đứng xếp hàng ngang trên mặt biển làm tấm bia người cho Tàu cộng ngắm bắn mà được lệnh không được bắn trả ngày nay. Không một quân đội nào trên thế giới, tự cổ xưa tới hiện tại, lại đối xử với những người lính của chính mình như thế cả. Người ta có thể tàn ác hết cỡ với kẻ thù, nhưng với chính người lính của mình, trong lịch sử hình như chưa từng bao giờ thấy...

Nên cả bây giờ khi chiến tranh đã hết từ 40 năm, vẫn còn những bà mẹ già lặn lội “lên núi tìm xương con mình”, tìm những đứa con đã già nhà, già quê lên đường sinh Bắc tử Nam, đã chết mất xác bao nhiêu năm tháng mà không một chút tin tức, (để rồi cuối cùng tội thay, mẹ vẫn còn bị dối lừa, được các “nhà ngoại cảm” trao cho một nắm xương trâu xương bò xương heo xương chó đem về an ủi!)

Hồi xưa ở nhà em, mỗi tối thứ bảy là ba em lại chở cả nhà đi coi xi-nê, hồi nhỏ xíu là rạp Đại Nam để đến lúc về được vô ăn kem Phi Điệp. Ba mẹ em thích kem bánh flan ở đó, rất đúng “gu Tây”, nhưng tụi em chả đứa nào ưa hết vì caramen đắng ngắt, không ngọt tí xíu nào hết cả. Đến khi có rạp Rex thì ba em chở cả nhà đi Rex, vừa coi phim vừa ăn kem Eskimo bọc sô-cô-la ngon hết sức. Vì vậy, hầu như tui em được coi tất cả các phim đã chiếu ở Saigon ngày đó. Con em em, là trưởng ban vũ của Trung Vương hồi đó, còn được nói là giống Miêu Khả Tú nên phim nào có Lý tiểu Long-Miêu Khả Tú là dù có đang học thi nó cũng đi xem bằng được. Vậy mà thiệt lạ, có mấy phim rất nổi tiếng, những kiệt phẩm thời đó, như Ben Hur, như My Fair Lady, em lại không coi. Không biết tại sao. Nhất là phim Ben Hur, cả Saigon thừa đó hình như xôn xao vì nó và phim được chiếu rất là lâu, em nhớ Bà Tổng còn nói trên micro sáng thứ hai chào cờ là có cả hai ngày chiếu với giá đặc biệt cho học sinh nữa. Vậy mà

em chỉ mới được coi cả hai, Ben Hur và My Fair Lady, trên TV Mỹ nơi đây thôi. Thiệt là chậm tiêu.

Không phải chỉ chậm tiêu về phim ảnh thôi, cả về văn chương sao em cũng bị trọc lủng lủng cũng như vậy. Truyện kiếm hiệp Kim Dung hầu như mọi người VN thời đó đều đọc, và nhiều người còn thuộc lòng cả những pho truyện dài thòng ấy, như ông chồng em. Em cũng đọc giống mọi người, từ Thần Điêu Đại Hiệp dài dài đến Lộc Đỉnh Ký, vậy mà bộ truyện được coi là nổi tiếng nhất, Ý Thiên Đồ Long Dao, em lại chưa đọc bao giờ, dù những cái tên Triệu Minh, Trương Vô Kỵ, Chu Chỉ Nhược em vẫn được nghe dài dài, và còn được chiêm ngưỡng cả một đôi “traoi tài gái sắc” VN tự nhận mình là TM-TVK nữa. Cũng giống Ben Hur và My Fair Lady, em cũng chỉ mới vừa, lần đầu tiên, được coi Cô Gái Đồ Long lác bầu cua, không phải qua ngòi bút của KD, mà là phim và cũng trên TV Mỹ cách nay mấy tuần thôi à.

Và em thấy một điều. Thượng đế ngày xưa thừa khai thiên lập địa đã lấy hoa hồng trong vườn, hoa huệ ngoài đồng, con nai trong rừng, con rắn trong hang, con cọp, con sư tử trên núi,... để tạo nên người nữ. Khi ở tuổi 20 đọc Kim Dung, em đã nhìn những nhân vật do tác giả tạo ra, một cách khác. Bây giờ khi già hơn cả chính tác giả thời ấy, khi em đã gần đất xa trời, đã thấy đã trải bao thay đổi của cõi nhân gian, cái nhìn về con người của em cũng đã khác, là cái nhìn của chính mình, không còn bị nhìn qua cặp mắt dẫn dắt của tác giả nữa, thì em thấy KD có vẻ chỉ khoái những người nữ có đầy đủ các “đức tính trời cho” kể trên. Những nhân vật nữ chính của Kim Dung - Hoàng Dung, Triệu Minh...- có đủ các tính lí lắc, nhí nhảnh, xí xọn, rất thông minh, hơi...dữ, và là con nhà giàu sang quyền quý, muốn gì được nấy từ bé, không được thì sẽ nhất định phải được cho bằng được, càng thấy không được thì lại càng cố bằng mọi giá. Coi lại bây giờ, em hoàn toàn không còn ưa những cô gái như thế, dù các nhân vật nữ này rất đẹp, rất giỏi. So giữa Triệu Minh và Chu Chỉ Nhược, em thích Chu Chỉ Nhược hơn nhiều. Chu Chỉ Nhược xứng đáng với một người khá hơn Trương Vô Kỵ. Nhưng

tìm đâu ra một người như thế chứ? Một nhân vật như thế phải nằm trên cả ngòi bút xuất sắc của Kim Dung, một điều khó thể xảy ra.

Nhưng thường thường những gì con người đã đạt được, đã nắm chắc trong tay rồi, không còn sợ bị mất, thì tự nhiên lâu ngày cũng hay dễ đâm ... chán. Không biết hậu chuyện Triệu Minh- Trương Vô Kỵ về sau sẽ ra sao, có còn tâm đầu ý hiệp, tay dắt tay giung giăng giung giẻ ngoạ cảnh khắp tứ hải không, hay Trương Vô Kỵ nhìn Triệu Minh hoài ngày này qua ngày khác, và ngày nào cũng cứ phải ngòi ngó cặp chân mày của “com” mà kẻ miết thì e sẽ có một lúc thấy sao... mỗi tay quá, cụt hứng, chán ngắt, và tự nhiên lại đâm ngòi nhớ ... Chu Chỉ Nhược với những ngày thơ thân ái rồi...ngậm ngùi chẳng? Em nghĩ ngay cả Kim Dung cũng không dám hình dung ra “đoạn kết một cuộc tình” này nên cũng không ai khác được biết hết!

Hoặc biết đâu còn tệ hơn một bậc, hậu chuyện TVK-TM Tàu lại giống như hậu tân chuyện của TVK-TM Việt Nam ta?

Tết nhất, chắc quý vị cũng đã đang sửa sang vườn tược, cỏ cây hoa lá, và “hoa nào heo héo thì hái bỏ đi, chớ để làm chi” những hoa đã tàn. Em cũng từng nghĩ thế, nên trước đây trên các bình hoa góc bàn, trong những chậu hoa quanh nhà, những hoa vừa tàn là em bứt liền cái búp, để nhìn vô thấy bình hoa chậu hoa lúc nào cũng tươi rói, xinh đẹp. Cho tới một hôm, khi vừa định đưa tay ngắt một bông lan mới héo trong chậu hoa giữa nhà, em bỗng khựng lại. Bông hoa như đang nhìn em, một cái nhìn buồn thảm quá sức nhưng thật lặng lẽ, chịu đựng: “Tui biết đây là chuyện bình thường, là luật của đất trời có sinh có diệt, có lúc rực rỡ thì cũng có lúc héo tàn và biến đi, thế nhưng tui vẫn buồn quá đỗi lúc phải

chia ly...”. Bông hoa làm em tự nhiên bỗng liên tưởng tới ...em. Như bông hoa này, em cũng đã có một thời hạnh phúc, tươi vui. Thời đó hình như, như bông lan trên bàn này của em, cũng đang hoặc đã qua rồi, em cũng đang bước lần đến chỗ héo tàn, chia ly, và biến mất. Vậy em có nên, có quyền vẫn góp mặt với đời cho tới lúc thực sự, tự nhiên biến đi không, hay nên biến liền khi vừa héo? Những bông hoa đã héo này có nên vẫn được ở yên trên cành, bên cạnh những bông hoa mới nở tràn đầy sức sống, hay phải biến đi cho bình hoa, cho cây hoa trông được đẹp? Trong lịch sử loài người trên mặt đất này, đã có những bộ lạc trước đây bỏ người già lên cây rung, và trong một truyện ngắn của Jack London, người cha già đã bị bỏ lại với một đồng củi, một đồng lửa, ít lương thực, và một bầy chó sói đang lảng vảng chung quanh, khi bộ tộc phải di chuyển đi nơi khác...

Cái ý nghĩ ấy cứ luẩn quẩn ám ảnh trong đầu em hoài, nhất là những lúc ra vườn. Để thì cái vườn trông thật hoang tàn, nhưng bút hết những lá úa, những hoa tàn thì tâm lại cũng thật bất an. Thành thử Tết đến nơi rồi mà em vẫn không biết mình có nên trim cây, cắt cành cho khu vườn gọn ghẽ đón Xuân không, hay vẫn để yên “as is” như vậy?

Thôi tốt nhất chắc em cứ để yên như vậy, cho cây cỏ lá hoa được thư thái đứng cạnh nhau hứng ánh sáng mặt trời, lá già lá non hoa tươi hoa héo hoa đào hoa mận đông đều chờ đón Chúa Xuân như lẽ tự nhiên của trời đất. Em có quyền gì mà xen vào để sắp xếp một trật tự theo riêng em, như bọn IS bên kia bờ Địa Trung Hải đang làm? Và em sẽ mua hoa cúc vàng, hoa đào đỏ thêm vào những chậu hoa trong vườn để khu vườn em, dù nhỏ xíu, cũng sẽ tươi hơn, thắm hơn, thấy Xuân hơn, để “tiểu Đông phong” với đất trời .

Chắc các khu vườn của quý vị cũng đã đang rục rĩ lắm để đón nàng

NGU LÂM CỒ